

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 20 - 11 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;
Ông Hồ Đức Châm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Phạm Thị Kim
Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng
10 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 8 năm
2017 của Tòa án nhân dân huyện H, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2017/QĐ-PT ngày
31 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987;
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987;
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Anh Nguyễn Văn T kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện, có
đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H ngày 24 tháng 12 năm
2008. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng gia đình chồng (có mẹ chồng) thời gian
đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nên đã có hai con chung cháu lớn Nguyễn
Nhu Q, sinh năm 2010 và cháu nhỏ Nguyễn Quốc V, sinh năm 2015.

Mẫu thuẫn vợ chồng phát sinh theo anh Nguyễn Văn T bắt đầu trầm trọng từ đầu năm 2017 nguyên nhân là từ khi chị T đi ra ngoài làm ăn, chị thường xuyên không về nhà chăm lo cho các con. Con chủ yếu là mẹ anh trông nom. Anh T nghi ngờ chị T không chung thủy với anh, anh đi làm ăn xa nhưng khi anh về ở nhà thì chị T cũng thường xuyên tránh mặt anh. Anh, chị đã sống ly thân và không liên lạc với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Và nay anh chị mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn chị T.

Về phía chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 11 năm 2015 sau thời điểm chị sinh con thứ hai, thời gian này vợ chồng chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh Toàn không quan tâm gì đến chị, tình cảm vợ chồng vì thế ngày càng xa cách, mâu thuẫn kéo dài từ tháng 11 năm 2015 đến năm 2016 nhiều lần, đến đầu năm 2017 thì chị và anh chính thức sống ly thân đến nay, chị đi làm xa thỉnh thoảng mới về thăm các con. Ban đầu chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, kéo dài cuộc hôn nhân sẽ không có hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn, nhưng sau đó suy nghĩ lại chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ, chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng đến mức phải ly hôn. Nay chị vẫn còn tình cảm với anh T và vì các con còn nhỏ cần tình cảm chăm sóc, yêu thương của cả bố và mẹ, chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2010 và cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2015. Cả hai cháu hiện đang ở cùng anh T. Anh T và chị T tự thỏa thuận nếu ly hôn anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Như Q, chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quốc V, cho đến khi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Như Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Với nội dung vụ án như trên tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 18/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã quyết định:

Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nuôi con chung, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017 bị đơn chị Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét làm rõ căn cứ cho ly hôn của bản án sơ thẩm, chị yêu cầu được đoàn tụ với anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xử bác đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh: Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Thẩm phán chủ tọa và Thư ký Tòa án và các thành viên Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm. Người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại cấp phúc thẩm. Về nội dung kháng cáo: Thấy anh chị kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2016 kéo dài đến năm 2017. Nguyên nhân sau khi sinh con thứ hai chị T đi làm ăn xa để con ở nhà cho mẹ anh chăm nom thì thoãn mới về nhà. Anh T và gia đình khuyên chị nên ở nhà chăm sóc con vì anh hiện cũng đi làm ăn xa, nhưng chị T không nghe nên hai vợ chồng bất đồng quan điểm và giữa anh chị nảy sinh sự nghi ngờ vợ chồng không chung thủy nên từ đó hai vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Cả hai đều thừa nhận mâu thuẫn trầm trọng nhất từ đầu năm 2017 và từ đó hai người sống ly thân. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm chị T tha thiết yêu cầu đoàn tụ, nhưng chị không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác anh T hiện nay đã đi xuất khẩu lao động, ở xa, vợ chồng ít có điều kiện ở gần nhau và anh T tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt nhưng trong đơn yêu cầu xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Do đó yêu cầu đoàn tụ của chị T đưa ra thấy nếu kéo dài cuộc hôn nhân này mục đích hôn nhân không đạt được nên không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của chị T. Bản án sơ thẩm xử cho ly hôn là có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu đoàn tụ và lý do chị T đưa ra thấy: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2008 trên cơ sở được tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau kết hôn

thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 sau khi chị sinh con thứ hai, nguyên nhân do sau khi sinh con thứ hai chị T đi làm ăn xa để hai con còn nhỏ ở nhà cho một mình mẹ anh chăm nom thì thoảng mới về nhà. Anh T và gia đình khuyên chị nên ở nhà chăm sóc con vì anh cũng đi làm ăn xa, nhưng chị T không nghe nên hai vợ chồng bất đồng quan điểm và giữa anh chị nảy sinh sự nghi ngờ vợ chồng không chung thủy nên từ đó hai vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Bản thân chị trong quá trình lấy lời khai tại cấp sơ thẩm ban đầu cũng thừa nhận không còn tình cảm, chị đã cố gắng nhưng không thể khắc phục được mâu thuẫn giữa vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau, anh chị đã ly thân từ đầu năm 2017. Tại phiên tòa hôm nay chị cũng không đưa ra được biện pháp gì nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng, sau khi xét xử sơ thẩm chị cũng chưa lần nào chủ động liên lạc với anh, các con hiện nay vẫn do mẹ chồng chị chăm sóc, mặc dù chị làm việc tại thị trấn H nhưng cũng thi thoảng mới về thăm các con. Tòa án cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo yêu cầu đoàn tụ của chị Nguyễn Thị T đưa ra.

[2] Về quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2010 và cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2015. Cả hai cháu hiện đang ở cùng anh T. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Như Q, chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quốc V cho đến khi trưởng thành, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, anh, chị có quyền đi lại thăm con chung không ai được ngăn cản, là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị T không được chấp nhận, do đó chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 18/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2010. Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2015 cho đến khi trưởng thành, cả hai cháu hiện đang ở cùng anh T, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; anh, chị có quyền đi lại thăm con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị đã nộp theo biên lai số AA/2012/04516 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/11/2017).

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS h. H;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Sơn, H
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hồng

